

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG WINSTAR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG WINSTAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WINSTAR CONSTRUCTION INVESTMENT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: WINSTAR CONSTRUCTION INVESTMENT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110915754

3. Ngày thành lập: 16/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915814886

Fax:

Email: ctcp.dautuxaydungwinstar@gmail.com Website: winstar.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
2.	Khai thác gỗ	0220
3.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
4.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
5.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
6.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
7.	Khai thác và thu gom than non	0520
8.	Khai thác dầu thô	0610
9.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
10.	Khai thác quặng sắt	0710
11.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (trừ loại nhà nước cấm)	0721
12.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ loại nhà nước cấm)	0722
13.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại nhà nước cấm)	0730
14.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
15.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
16.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
17.	Khai thác muối	0893
18.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	0899

19.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
21.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
25.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
26.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
27.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
28.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	1709
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
30.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (trừ loại nhà nước cấm)	3290
31.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
32.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
34.	Thu gom rác thải độc hại	3812
35.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
37.	Tái chế phế liệu	3830
38.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
39.	Xây dựng nhà để ở	4101
40.	Xây dựng nhà không để ở	4102
41.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
42.	Xây dựng công trình điện	4221
43.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
44.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
47.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ mìn)	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ mìn)	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)	4610
55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
56.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn như rượu, bia - Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4633
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu	4669
62.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu, bia; - Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác	4933

65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho ngoại quan)	5210
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hoạt động vận tải hàng hóa hàng không)	5229
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
69.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ pháp lý, tài chính, kế toán, kiểm toán)	7020
70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng - Lập quy hoạch xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn quản lý dự án - Giám sát thi công xây dựng - Kiểm định xây dựng - kiểm định kỹ thuật an toàn lao động - Dịch vụ tư vấn thầu (bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án) (trừ tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán và các dịch vụ tư vấn khác)	7110
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
72.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
73.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...	7490
74.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
76.	Cung ứng lao động tạm thời	7820

77.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài	7830
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
79.	Đào tạo sơ cấp	8531
80.	Đào tạo trung cấp	8532
81.	Đào tạo cao đẳng	8533
82.	Đào tạo đại học	8541
83.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
84.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
85.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;	8559
86.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn du học	8560

6. Vốn điều lệ: 800.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 8.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THANH HOA	Xóm 12, thôn Hậu Ái, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	160.000	16.000.000.000	2,000	0401820006 44	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	160.000	16.000.000.000	2,000		
2	NGUYỄN VĂN CHINH	16B, ngõ 766 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.0 00	120.000.000.00 0	15,000	0370770008 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.200.0 00	120.000.000.00 0	15,000		

3	PHẠM VĂN LINH	Phòng 1610 Tòa nhà B32, Tổ dân phố Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.640.000	664.000.000.000	83,000	035086000234
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.640.000	664.000.000.000	83,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN VĂN CHINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/06/1977

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037077000853

Ngày cấp: 18/12/2021

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: 16B, ngõ 766 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 16B, ngõ 766 đường La Thành, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội